

Số: 94/2018/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 06 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí
sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 9 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 2586/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định cụ thể một số nội dung về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai:

1. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 30a, xã đặc biệt khó khăn và thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135.

1.1. Mức hỗ trợ cụ thể dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo do địa phương thực hiện.

Hỗ trợ 90% tổng kinh phí của dự án, mô hình theo chế độ, định mức chi tiêu hiện hành nhưng không quá 400 triệu đồng/dự án, mô hình.

1.2. Hỗ trợ chi xây dựng và quản lý dự án đối với dự án do địa phương thực hiện.

Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng và quản lý dự án đối với các dự án do địa phương thực hiện nhưng không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án.

1.3. Mức hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp do địa phương thực hiện.

Hộ nghèo: Hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ/năm.

Hộ cận nghèo: Hỗ trợ 18 triệu đồng/hộ/năm.

Hộ mới thoát nghèo: Hỗ trợ 16 triệu đồng/hộ/năm.

1.4. Hỗ trợ nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm đối với dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ do địa phương thực hiện.

a) Hỗ trợ nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề và dịch vụ.

Hộ nghèo: hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ/năm.

Hộ cận nghèo: hỗ trợ 17 triệu đồng/hộ/năm.

Hộ mới thoát nghèo: hỗ trợ 14 triệu đồng/hộ/năm.

b) Hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

Hỗ trợ 50% giá trị máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến được chuyển giao nhưng không quá 200 triệu đồng/năm.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

3. Hỗ trợ phương tiện nghe - xem và thiết lập cụm thông tin cơ sở do địa phương thực hiện.

3.1. Hỗ trợ phương tiện nghe - xem.

